ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2048 /QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 16 tháng 8 năm 2011*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 55/2007/QĐ-TTg ngày 23/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Danh mục các ngành công nghiệp ưu tiên, ngành công nghiệp mũi nhọn giai đoạn 2007 - 2010, tầm nhìn đến năm 2020 và một số chính sách khuyến khích phát triển;

Căn cứ Quyết định số 73/2008/QĐ-TTg ngày 04/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BCT ngày 14/3/2008 của Bộ Công Thương hướng dẫn một số nội dung quy định tại Quyết định số 55/2007/QĐ-TTg ngày 23/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Danh mục các ngành công nghiệp ưu tiên, ngành công nghiệp mũi nhọn giai đoạn 2007-2010, tầm nhìn đến năm 2020 và một số chính sách khuyến khích phát triển;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1102/TTr-SCT ngày 27/7/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt "Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015", với nội dung chính như sau:

I. Quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển công nghiệp

1. Quan điểm

- Đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo hướng ưu tiên thu hút đầu tư các ngành công nghiệp kỹ thuật cao, các ngành công nghiệp tạo ra sản phẩm có hàm lượng công nghệ và có giá trị gia tăng cao như các ngành điện - điện tử; cơ khí; hoá chất – cao su – plastic – công nghệ sinh học và ngành công nghiệp hỗ trợ (gọi chung là nhóm ngành công nghiệp mũi nhọn).

- Tập trung đầu tư chiều sâu, đổi mới nâng cao trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng sản phẩm cho các ngành công nghiệp như ngành công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm, dệt may giày dép; sản xuất và chế biến gỗ; giấy và sản phẩm từ giấy; khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng; ngành sản xuất, phân phối điện nước, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống (gọi chung là nhóm ngành công nghiệp ưu tiên phát triển).

- Phân bố hợp lý công nghiệp trên địa bàn các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa trên cơ sở phát huy lợi thế của từng địa phương, gắn với bảo vệ môi trường và an ninh quốc phòng.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các ngành công nghiệp kỹ thuật cao, các ngành công nghiệp tạo ra sản phẩm có hàm lượng công nghệ và có giá trị gia tăng cao nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển của ngành công thương theo Kế hoạch 5 năm (2011 - 2015) phát triển kinh tế - xã hội của UBND tỉnh và Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ IX nhiệm kỳ 2010 - 2015.

b) Mục tiêu cụ thể

Giai đoạn 2011 – 2015, phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trí sản xuất công nghiệp (GTSXCN) đạt 17,2%/năm, GTSXCN tăng gấp 2,2 lần năm 2010; tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị gia tăng trong sản xuất công nghiệp đạt 14%/năm. Cụ thể:

- Đối với nhóm ngành công nghiệp mũi nhọn

+ Ngành điện – điện tử: Giai đoạn 2011-2015, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng GTSXCN, tăng bình quân 23-24%/năm, nâng tỷ trọng từ 9,6% năm 2010 lên 12,2% năm 2015 trong cơ cấu giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp.

+ Ngành cơ khí: Phấn đấu tăng trưởng GTSXCN bình quân 23-25%/năm, nâng tỷ trọng từ 13,8% năm 2010 lên 18,3% năm 2015 trong cơ cấu giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp.

+ Ngành hoá chất, cao su, plastic: Phấn đấu tăng trưởng GTSXCN bình quân 19-20%/năm, nâng tỷ trọng từ 12,6% năm 2010 lên 13,9% năm 2015 trong cơ cấu giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp.

- Đối với nhóm ngành công nghiệp ưu tiên phát triển

+ Ngành chế biến nông sản thực phẩm: Phấn đấu tăng trưởng GTSXCN bình quân 15-16%/năm, giảm dần tỷ trọng từ 25% năm 2010 xuống còn 22,8% năm 2015 trong cơ cấu giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp.

+ Ngành dệt, may, giày dép: Phấn đấu tăng trưởng GTSXCN bình quân 11-12%/năm, giảm dần tỷ trọng từ 24% năm 2010 xuống còn 19,2% năm 2015 trong cơ cấu giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp.

+ Ngành chế biến gỗ: Phấn đấu tăng trưởng GTSXCN bình quân 15-16%/năm, giảm dần tỷ trọng từ 6,4% năm 2010 xuống còn 5,9% năm 2015 trong cơ cấu giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp.

+ Ngành khai thác và SXVLXD: Phấn đấu tăng trưởng GTSXCN bình quân 17-18%/năm, duy trì tỷ trọng 5,4% từ năm 2010 đến năm 2015 trong cơ cấu giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp.

+ Ngành giấy, sp từ giấy: Phấn đấu tăng trưởng GTSXCN bình quân 11-12%/năm, giảm dần tỷ trọng từ 2,3% năm 2010 xuống còn 1,8% năm 2015 trong cơ cấu giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp.

+ Ngành sản xuất, phân phối điện - nước: Phấn đấu tăng trưởng GTSXCN bình quân tăng 3,5-4%/năm, giảm dần tỷ trọng từ 0,8% năm 2010 xuống còn 0,4% năm 2015 trong cơ cấu giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp.

3. Định hướng phát triển các ngành công nghiệp

a) Phân loại các ngành công nghiệp trong quá trình thực hiện chuyển dịch cơ cấu

- Ngành công nghiệp mũi nhọn: Trong giai đoạn 2011 - 2015, nhóm ngành công nghiệp mũi nhọn gồm: (1) Ngành công nghiệp điện - điện tử và công nghiệp hỗ trợ ngành điện – điện tử; (2) Ngành công nghiệp cơ khí và công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí; (3) Ngành công nghiệp hoá chất, cao su, plastic, công nghệ sinh học; (4) Công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may giày dép.

- Ngành công nghiệp ưu tiên phát triển: Trong giai đoạn 2011 - 2015, nhóm ngành công nghiệp ưu tiên phát triển, gồm: (1) Ngành công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm; (2) Ngành công nghiệp dệt, may, giày dép; (3) Ngành công nghiệp khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng; (4) Ngành công nghiệp chế biến gỗ; (5) Ngành công nghiệp điện, nước; (6) Ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống.

b) Định hướng phát triển nhóm ngành công nghiệp mũi nhọn

- Ngành công nghiệp điện - điện tử

+ Tập trung ưu tiên cao các ngành sản xuất sản phẩm công nghệ cao trong viễn thông, công nghệ thông tin; Thiết bị về điện tử; Thiết bị khoa học; Máy, thiết bị không dùng điện; Thiết bị tự động hóa; Vật liệu điện tử, quang tử; Gốm sứ kỹ thuật; Vật liệu nano; Vật liệu cho năng lượng; Công nghiệp hỗ trợ ngành điện - điện tử.

+ Công nghiệp hỗ trợ ngành điện - điện tử: Ưu tiên các ngành sản xuất linh kiện phụ tùng cho sản xuất, lắp ráp thiết bị văn phòng; sản xuất thiết bị, linh kiện điện tử gia dụng; sản xuất máy móc thiết bị điện; giao tiếp truyền thông đa phương tiện; sản xuất vật liệu thuộc công nghệ vật liệu điện - điện tử; sản xuất, gia công phần mềm,...

- Ngành công nghiệp cơ khí

+ Ưu tiên phát triển nhóm sản phẩm lĩnh vực công nghiệp môi trường, như: (1) Thiết kế và chế tạo dây chuyền xử lý chất thải (rắn, lỏng) bằng công nghệ sinh học; (2) Thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải tiên tiến khác.

+ Tập trung ưu tiên các ngành vật liệu kim loại; Công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí; Máy móc thiết bị; Sản phẩm ngành cơ khí (cơ khí chính xác, thiết bị gia dụng, sản xuất các loại kết cấu kim loại,...).

+ Công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí: Ưu tiên các ngành công nghiệp sản suất động cơ, linh kiện phụ tùng cho công nghiệp ô tô, xe máy, chế tạo khuôn

mẫu, đúc chi tiết, gia công phụ tùng máy công cụ và máy nông nghiệp, sản xuất cấu kiện kim loại phi tiêu chuẩn phục vụ thi công các công trình xây dựng công nghiệp,...

- **Ngành công nghiệp hóa chất, cao su, plastic:** Tập trung ưu tiên phát triển các sản phẩm:

+ Ưu tiên sản phẩm công nghệ sinh học, đặc biệt trong ngành công nghiệp hoá phẩm, công nghiệp môi trường.

+ Các chủng loại sản phẩm hóa chất bảo vệ môi trường.

+ Các ngành vật liệu tiên tiến phục vụ cho nông nghiệp; Vật liệu tham gia vào khâu bảo quản nông sản; Vật liệu cho Y, Dược; Vật liệu polymer và compozit.

- Công nghiệp hỗ trợ phát triển ngành dệt may giày dép và công nghiệp hỗ trợ cho phát triển công nghệ cao

Tập trung ưu tiên các dự án sản xuất thiết bị, phụ tùng, linh kiện, nguyên phụ liệu, bán thành phẩm phục vụ ngành công nghiệp dệt may, giày dép và ngành công nghiệp công nghệ cao theo quy định tại Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Định hướng phát triển nhóm nhóm ngành công nghiệp ưu tiên

- Ngành công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm

Tập trung đầu tư chiều sâu nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm (tinh chế nông sản dựa trên ứng dụng công nghệ sinh học). Ưu tiên phát triển các ngành rượu bia nước giải khát, các ngành công nghiệp chế biến sữa, chế biến thịt, chế biến dầu thực vật, chế biến bánh kẹo, chế biến thức ăn nhanh.

- Ngành công nghiệp dệt may giày dép

+ Dệt may: Sản phẩm may mặc xuất khẩu, tập trung phát triển khâu thiết kế tạo mẫu, xây dựng thương hiệu, giảm tỷ lệ sản xuất gia công trong ngành may, tăng cường đầu tư chiều sâu để sản xuất các sản phẩm có hàm lượng sáng tạo và giá trị gia tăng cao như sợi chải kỹ thuật số cao, vải dệt thoi khổ rộng chất lượng cao, vải dệt kim khổ rộng, công nghệ nhuộm, xử lý hoàn tất hoàn chỉnh, in vải kỹ thuật số, quần áo thời trang và công nghiệp hỗ trợ trợ ngành dệt may.

+ Giày dép: Sản phẩm giày, dép, cặp, túi xách bằng da xuất khẩu, tập trung phát triển khâu thiết kế tạo mẫu, xây dựng thương hiệu, giảm tỷ lệ sản xuất gia công trong ngành giày dép, tăng cường đầu tư chiều sâu để sản xuất các sản phẩm có hàm lượng sáng tạo và giá trị gia tăng cao như giày thể thao, giày da, cặp, vali túi xách cao cấp các loại và công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may.

- Công nghiệp sản xuất, chế biến gỗ

Tập trung phát triển các sản phẩm gỗ xuất khẩu chế biến từ gỗ nhân tạo, rừng trồng. Chú trọng phát triển khâu thiết kế, tạo mẫu, xây dựng thương hiệu,

chế biến các sản phẩm gỗ tinh chế, độc đáo, có giá trị cao và đồ thủ công mỹ nghệ.

- Công nghiệp khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng

Ưu tiên đầu tư đổi mới công nghệ, dây chuyền thiết bị, giảm tiêu hao năng lượng, tài nguyên và đảm bảo tiêu chuẩn môi trường trong quy trình sản xuất và sản phẩm tiêu thụ.

- Ngành công nghiệp sản xuất, phân phối điện, nước

+ Ngành công nghiệp sản xuất, phân phối Điện năng: Xây dựng trạm 500kV Sông Mây 2x600MVA dự kiến đưa vào vận hành năm 2012-2013. Xây dựng mới 4 trạm 220kV với tổng công suất đặt 750MVA, nâng công suất trạm Trị An thành 2x125MVA. Cải tạo nâng cấp 2 tuyến đường dây 220kV với tổng chiều dài 156 km, xây dựng mới 5 tuyến đường dây 220kV và các nhánh rẽ với tổng chiều dài 58km. Xây dựng mới 12 trạm 110kV với tổng công suất đặt 629MVA, mở rộng tăng cường công suất cho 15 trạm với tổng công suất tăng thêm là 548MVA. Cải tạo nâng cấp 1 tuyến đường dây 110kV với tổng chiều dài 65,8 km, xây dựng mới 11 tuyến đường dây 110kV và các nhánh rẽ với tổng chiều dài 122km.

+ Ngành công nghiệp sản xuất, phân phối nước: Cải tạo và phát triển mạng lưới phân phối đáp ứng nhu cầu nước cho sản xuất và sinh hoạt.

- Các ngành tiểu thủ công nghiệp truyền thống

Tập trung phát triển khâu thiết kế tạo mẫu, xây dựng thương hiệu, phát triển các sản phẩm xuất khẩu. Danh mục các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp truyền thống gồm các sản phẩm theo quy định ban hành kèm theo Quyết định số 85/2006/QĐ-UBND ngày 30/11/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai, ban hành danh mục các sản phẩm và cơ sở sản xuất thuộc lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Định hướng phát triển công nghiệp theo địa bàn

a) Đối với các địa bàn (thành phố Biên Hoà, thị xã Long Khánh, các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Vĩnh Cửu): Ưu tiên phát triển nhóm ngành công nghiệp mũi nhọn.

b) Đối với địa bàn các huyện (Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Thống Nhất): Ưu tiên phát triển nhóm ngành công nghiệp mũi nhọn và nhóm ngành công nghiệp ưu tiên.

II. Đối tượng và phạm vi của chương trình

Các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất thuộc mọi thành phần kinh tế sản xuất sản phẩm công nghiệp thuộc ngành nghề theo Danh mục ngành công nghiệp mũi nhọn, ngành công nghiệp ưu tiên phát triển và các đơn vị liên quan tham gia Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2015 được UBND tỉnh phê duyệt.

III. Giải pháp, chính sách hỗ trợ thực hiện chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp

1. Giải pháp, chính sách hỗ trợ đầu tư

a) Xúc tiến đầu tư

- Xây dựng thông tin, tổ chức quảng bá: Thực hiện các tài liệu giới thiệu về môi trường đầu tư của tỉnh Đồng Nai bằng tiếng Anh, Pháp, Hoa, Hàn Quốc, Nhật bằng đĩa CD, sách hướng dẫn nhà đầu tư... Cập nhật thông tin hàng quý, năm gửi cho các cơ quan đại diện của nước ta và nước ngoài, các Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài. Tổ chức gặp gỡ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh theo định kỳ hàng năm, để hỗ trợ về thông tin và thủ tục cho các dự án chuẩn bị đầu tư hoặc hỗ trợ sau phép đối với các dự án gặp khó khăn, vướng mắc.

- Tổ chức các đoàn đi xúc tiến đầu tư nước ngoài: Hàng năm, xây dựng kế hoạch xúc tiến đầu tư nước ngoài trình UBND tỉnh phê duyệt, để làm cơ sở triển khai thực hiện.

- Tổ chức các hội thảo, hội nghị đầu tư: Hàng năm, tổ chức ít nhất 1 buổi Hội thảo đầu tư với Hiệp hội doanh nghiệp, các Phòng Thương mại công nghiệp nước ngoài, Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài, các cơ quan ngoại giao... để phổ biến nội dung và trao đổi về việc thực hiện pháp luật về đầu tư và các cam kết của Việt Nam với WTO.

- Thu hút đầu tư các dự án sản xuất các sản phẩm theo danh mục ngành công nghiệp mũi nhọn, ngành công nghiệp ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2015.

b) Triển khai thực hiện rà soát, điều chỉnh, lựa chọn ngành nghề thu hút đầu tư trong các khu, cụm công nghiệp

- Tổ chức rà soát toàn bộ ngành nghề thu hút đầu tư từng khu, cụm công nghiệp đối với những khu, cụm công nghiệp chưa lấp đầy đã được phê duyệt ngành nghề, để thống nhất điều chỉnh danh mục ngành nghề, dự án thu hút đầu tư vào từng khu, cụm công nghiệp theo hướng ưu tiên thu hút các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc nhóm ngành công nghiệp mũi nhọn, ngành công nghiệp ưu tiên phát triển trình UBND tỉnh, làm cơ sở cho cơ quan cấp giấy phép đầu tư triển khai thực hiện, đảm bảo tuân thủ những quy định của pháp luật về ngành nghề thu hút đầu tư.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai hình thành Khu công nghệ cao sinh học tại huyện Cẩm Mỹ, và khu công nghệ cao tại huyện Long Thành.

c) Đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp

- Lựa chọn thí điểm mỗi huyện một cụm công nghiệp để đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng cụm công nghiệp (ưu tiên lựa chọn các cụm công nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết) cho UBND các huyện: Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú, Định Quán, nhằm tạo điều kiện cho các huyện trong việc mời gọi đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp, và thu hút đầu tư các dự án sản xuất sản phẩm thuộc ngành công nghiệp mũi nhọn, ngành công nghiệp ưu tiên phát triển. Các nội dung hỗ trợ gồm: hỗ trợ ứng trước một phần kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án bồi thường chi tiết do cấp có thẩm quyền phê duyệt; hỗ trợ chi phí lập thiết kế quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ

lệ 1/500 và 1/2000; hỗ trợ một phần chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp theo dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê quyệt.

- Đối với các cụm công nghiệp khác (ngoài 05 CCN thí điểm tại điểm a) trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, nếu chưa được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 và 1/2000 và chưa được hỗ trợ từ ngân tỉnh, sẽ được xem xét hỗ trợ một phần chi phí lập thiết kế quy hoạch chi tiết.

d) Khuyến khích đầu tư các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp sản xuất các sản phẩm thuộc ngành công nghiệp mũi nhọn, ngành công nghiệp ưu tiên phát triển được ưu tiên hỗ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi từ Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai để đầu tư như: đầu tư công nghệ xử lý nước thải, chất thải nguy hại hoặc đầu tư mở rộng sản xuất sản phẩm sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường theo các tiêu chí sau:

- Tính cấp thiết của dự án (khống chế và giảm thiểu tại những nơi đang bị ô nhiễm, suy thoái môi trường nghiêm trọng);

- Hiệu quả của dự án (về môi trường: giải quyết cơ bản hoặc dứt điểm tình trạng ô nhiễm; về kinh tế: tiết kiệm về kinh phí và đạt hiệu suất cao về xử lý ô nhiễm; về xã hội: có tính mô hình nhân rộng);

- Tính phù hợp của dự án thuộc 5 lĩnh vực ưu tiên (xử lý chất thải; phòng ngừa và khắc phục sự cố môi trường; bảo tồn đa dạng sinh học; nghiên cứu và triển khai công nghệ thân thiện môi trường; giáo dục, truyền thông môi trường và nâng cao nhận thức cho cộng đồng);

- Tính chất công nghệ đối với dự án có đầu tư trang thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường;

- Thời hạn và khả năng hoàn vốn vay đối với dự án đề nghị vay vốn với lãi suất ưu đãi.

2. Giải pháp, chính sách hỗ trợ phát triển thị trường

a) Khuyến khích doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp thực hiện thiết kế, xây dựng Website nhằm quảng bá thương hiệu, phát triển thị trường.

b) Hỗ trợ cung cấp thông tin, phát triển thị trường

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về năng lực xuất khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và dự báo nhu cầu ở một số thị trường xuất khẩu trọng điểm đối với những sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm ngành công nghiệp mũi nhọn và ngành công nghiệp chủ lực và nhu cầu nhập khẩu trên địa bàn tỉnh.

- Cung cấp thông tin về thị trường và công khai các chương trình xúc tiến thương mại hàng năm của Trung ương và địa phương cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh tham gia thông qua Website của Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến Thương mại, bản tin hàng tuần và đặc san ngành công thương.

c) Thực hiện giao thương, tạo điều kiện kết nối các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp phụ trợ với các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh

thuộc danh mục ngành công nghiệp mũi nhọn, ngành công nghiệp ưu tiên. Cụ thể:

- Giới thiệu nhu cầu hợp tác giữa các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp trên Website Sở Công Thương, Trung tâm Khuyến công, Trung tâm Xúc tiến thương mại.

- Tổ chức các Hội nghị, Hội thảo các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo chuyên đề, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào chuỗi liên kết ngành theo chiều dọc giữa các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử theo Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 12/02/2011 của UBND tỉnh về phê duyệt Chương trình phát triển thương mại điện tử tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2015, gồm: tuyên truyền, phổ biến Pháp luật về thương mại điện tử, tập huấn, hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp ứng dụng thương mại điện tử,...

d) Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp sản xuất các sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm nhóm ngành công nghiệp mũi nhọn và ngành công nghiệp ưu tiên phát triển trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại các hội chợ, triển lãm của quốc gia và của địa phương.

3. Giải pháp, chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực công nghệ, tiết kiệm năng lượng

a) Khuyến khích doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, cải tiến, đổi mới công nghệ và hỗ trợ chi phí chuyển giao công nghệ

- Khuyến khích doanh nghiệp, cơ sở sản xuất thử nghiệm các sản phẩm công nghiệp thuộc nhóm ngành công nghiệp mũi nhọn, ngành công nghiệp ưu tiên phát triển. Hỗ trợ chi phí chuyển giao công nghệ mới cho các doanh nghiệp, cơ sở sản suất, kinh doanh trên địa bàn như: Chuyển giao mới máy móc thiết bị, công nghệ, bí quyết, các phần mềm quản lý, các hệ thống bảo mật và an toàn thông tin cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất...

- Khuyến khích doanh nghiệp, cơ sở sản xuất thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, nghiên cứu cải tiến, đổi mới thiết bị công nghệ; nghiên cứu chế tạo nguyên vật liệu mới, sử dụng nguyên vật liệu trong nước thay cho nhập khẩu; nghiên cứu ứng dụng khoa học vào sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu thực hiện các dự án sản xuất sạch hơn. Đồng thời, hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất.

- Tăng cường công tác tư vấn khoa học công nghệ thực hiện các biện pháp nghiên cứu đổi mới công nghệ, cơ khí hóa, tự động hóa và áp dụng các công nghệ mới, tiên tiến, tăng cường các hoạt động về chuyển giao công nghệ, nhằm từng bước đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, cơ sở sản xuất. Tư vấn cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất lựa chọn giải pháp, chuyển giao và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với hoạt động sản xuất, kinh doanh của

doanh nghiệp, cơ sở sản xuất. Khuyến khích các hoạt động nghiên cứu triển khai do doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tự thực hiện, hoặc ký hợp đồng với các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước.

- Phát triển các hoạt động dịch vụ tư vấn khoa học và công nghệ, tư vấn quản lý khoa học công nghệ, tư vấn quản lý kinh doanh, bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ, nâng cao kiến thức khoa học công nghệ và quản lý.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất thực hiện tiết kiệm năng lượng

- Cung cấp những chính sách, những quy định của Nhà nước về lĩnh vực tiết kiệm năng lượng; cung cấp những thông tin khoa học công nghệ về tiết kiệm năng lượng để giúp doanh nghiệp, cơ sở sản xuất sớm tiếp cận với công nghệ mới, phù hợp sản xuất và sử dụng năng lượng hiệu quả.

- Tư vấn các giải pháp kỹ thuật hoặc quản lý cho từng doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên cơ sở điều kiện thực tế của mỗi đơn vị.

- Tổ chức tập huấn, đào tạo và tuyên truyền về việc tiết kiệm năng lượng nhằm nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất. Việc tuyên truyền có thể thông qua báo, đài, tuyên truyền trên website về năng suất chất lượng của tỉnh.

4. Giải pháp, chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

a) Đào tạo khởi sự doanh nghiệp cho các cá nhân, tổ chức có nguyện vọng thành lập doanh nghiệp, đào tạo nâng cao kỹ năng quản trị doanh nghiệp cho cán bộ quản lý của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các cơ sở sản xuất công nghiệp có nhu cầu đào tạo cho chủ doanh nghiệp/cơ sở hoặc cán bộ quản lý của doanh nghiệp/cơ sở theo quy định tại Thông tư số 05/2011/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 31/03/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Thông tư 125/2009/TTLT/BTC-BCT ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương.

b) Đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với sản xuất công nghiệp theo danh mục sản phẩm thuộc ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp ưu tiên phát triển theo đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 tỉnh Đồng Nai đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 2577/QĐ-UBND ngày 29/9/2010, trong đó chú trọng ưu tiên cho lao động nông thôn tại 33 xã điểm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

c) Đào tạo nghề, nâng cao tay nghề cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở sản xuất công nghiệp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 125/2009/TTLT-BTC-BCT ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương, về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với Chương trình khuyến công.

5. Giải pháp, chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, cơ sở sản xuất

a) Hỗ trợ xây dựng các hệ thống quản lý tiên tiến và tham gia giải thưởng chất lượng Việt Nam

- Tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất về các nội dung như: Nhận thức về các hệ thống quản lý tiên tiến; Các công cụ

thống kê để cải tiến năng suất chất lượng; Đào tạo các chuyên gia đánh giá nội bộ, chuyên gia đánh giá trưởng về các hệ thống quản lý tiên tiến nhằm giúp cho các đơn vị có thể đánh giá hệ thống của mình và cải tiến hệ thống. Tăng cường hướng dẫn doanh nghiệp, cơ sở sản xuất thi hành Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007 (có hiệu lực từ 01/7/2008) đối với hàng hóa xuất khẩu.

- Khuyến khích xây dựng các hệ thống quản lý tiên tiến khuyến khích áp dụng gồm: Các hệ thống quản lý chất lượng: ISO 9000; Hệ thống quản lý môi trường: ISO 14000; Hệ thống an ninh thông tin: ISO/IEC 27000; Hệ thống quản lý an toàn, vệ sinh: ISO 22000, ISO 18000...; Hệ thống quản lý ERP; Các hệ thống quản lý khác: SA 8000, TQM, ISO 26000, 5S, Kaizen,...

- Thí điểm đưa vào áp dụng tiêu chuẩn ISO 9004 đối với một số doanh nghiệp, cơ sở sản xuất để rút kinh nghiệm và nhân rộng việc cải tiến liên tục hệ thống quản lý chất lượng của các đơn vị.

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia giải thưởng chất lượng Việt Nam hàng năm.

b) Khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất sản phẩm thuộc danh mục ngành công nghiệp mũi nhọn, ngành công nghiệp ưu tiên phát triển trong việc triển khai hoạt động đánh giá sự phù hợp của chất lượng sản phẩm với TCVN, tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn Quốc tế, quy chuẩn Việt Nam, quy chuẩn địa phương cho hàng hóa xuất khẩu và hàng hóa tiêu thụ trong nước nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nâng cao năng lực cạnh tranh cho sản phẩm trong và ngoài nước, đáp ứng yêu cầu thị trường của quá trình hội nhập kinh tế Quốc tế. Thực hiện chứng nhận sản phẩm an toàn cho các sản phẩm trong danh mục bắt buộc và các sản phẩm xuất khẩu của tỉnh.

c) Hỗ trợ cho doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp thuê tư vấn trong các lĩnh vực: lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới.

6. Giải pháp, chính sách hỗ trợ phát triển sản phẩm

- Khuyến khích doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đăng ký bảo hộ các đối tượng sở hữu trí tuệ, gồm: bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, giải pháp hữu ích. Tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo chuyên đề về sở hữu trí tuệ: Hướng dẫn các kiến thức cơ bản về việc thiết kế, đăng ký bảo hộ, khai thác, giới thiệu sản phẩm và phát triển nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, tổ chức cuộc thi sáng tạo kiểu dáng hàng thủ công mỹ nghệ, tổ chức xét tặng danh hiệu nghệ nhân, thợ giỏi, người có công đưa nghề về địa phương đối với sản phẩm ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống.

IV. Mức chi hỗ trợ

1. Mức chi hỗ trợ cho các đơn vị tham gia

Các đơn vị, tổ chức thuộc đối tượng Chương trình, sản xuất sản phẩm thuộc ngành công nghiệp mũi nhọn, ngành công nghiệp ưu tiên phát triển sẽ được hỗ trợ một phần kinh phí theo "Quy định về việc hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp tham gia Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2015".

2. Kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2015 là 108,8 tỷ đồng (chưa bao gồm kinh phí xúc tiến đầu tư; bồi thường, giải tỏa mặt bằng; vay vốn từ Quỹ bảo vệ môi trường, kinh phí hỗ trợ từ nguồn phát triển nguồn nhân lực của Sở Lao động-Thương binh xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư; nguồn hỗ trợ nâng cao năng lực công nghệ, nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp và hỗ trợ phát triển sản phẩm của Sở Khoa học và Công nghệ). Cụ thể như sau:

a) Kinh phí phân theo nội dung hỗ trợ

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)					
		2011	2012	2013	2014	2015	Tổng kinh phí
1	Kinh phí hỗ trợ đầu tư (chưa bao gồm kinh phí xúc tiến đầu tư; bồi thường, giải toả mặt bằng; vay vốn từ Quỹ BVMT)	-	21.400	31.400	1.400	700	54.900
2	Kinh phí hỗ trợ phát triển thị trường	4.087	5.195	5.100	5.550	6.070	26.002
3	Kinh phí hỗ trợ nâng cao năng lực công nghệ	Sở Khoa học-Công nghệ phối hợp Sở Công Thương xây dựng, trình duyệt theo kế hoạch hàng năm					
4	Kinh phí hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực (chưa bao gồm nguồn kinh phí Sở LDTB&XH)	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	15.000
5	Kinh phí hỗ trợ về nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp (chưa bao gồm nguồn kinh phí Sở KHCN)	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	9.000
6	Kinh phí hỗ trợ phát triển sản phẩm (chưa bao gồm nguồn kinh phí Sở KHCN)	398	414	430	446	462	2.150
7	Kinh phí tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình	329	329	379	329	389	1.757
	Tổng	**9.614**	**32.138**	**42.109**	**12.525**	**12.421**	**108.809**

b) Nguồn kinh phí

- Nguồn kinh phí sự nghiệp khuyến công tỉnh

Nguồn kinh phí	Kinh phí hỗ trợ 2011-2015 (Triệu đồng)					
	2011	2012	2013	2014	2015	Tổng
Nguồn kinh phí khuyến công	**6.010**	**27.521**	**37.642**	**7.758**	**7.194**	**86.125**
1. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng các CCN (chưa bao gồm bồi thường, giải toả mặt bằng)	-	21.400	31.400	1.400	700	54.900
2. Hỗ trợ tham gia HCTL, phát triển thị trường	800	880	970	1.050	1.150	4.850
3. Hội nghị, Hội thảo công nghiệp hỗ trợ	150	165	180	200	220	915
4. Đào tạo lao động gắn với SXCN	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	10.000
5. Đào tạo cán bộ quản lý gắn với SXCN	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	5.000
6. Tư vấn nâng cao năng lực quản lý DN	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	9.000

7. Bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; xét tặng các danh hiệu; cuộc thi sáng tạo kiểu dáng hàng thủ công mỹ nghệ.	160	176	192	208	224	960
8. Tuyên truyền trên Đài truyền hình	100	100	100	100	100	500

- Nguồn kinh phí xúc tiến thương mại tỉnh

Nguồn kinh phí	Kinh phí hỗ trợ 2011-2015 (Triệu đồng)					
	2011	2012	2013	2014	2015	Tổng
Nguồn kinh phí xúc tiến thương mại	**3.137**	**4.150**	**3.950**	**4.300**	**4.700**	**20.237**
1. Xây dựng và duy trì CSDL về năng lực xuất nhập khẩu tỉnh Đồng Nai.	-	550	50	50	50	700
2. Hỗ trợ phát triển thương mại điện tử	237	400	400	400	400	1.837
3. Hỗ trợ tham gia HCTL, phát triển thị trường	2.900	3.200	3.500	3.850	4.250	17.700

- Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo Chương trình và một số nguồn kinh phí hỗ trợ khác

Nguồn kinh phí	Kinh phí hỗ trợ 2011-2015 (Triệu đồng)					
	2011	2012	2013	2014	2015	Tổng
1. Nguồn NS tỉnh bố trí kinh phí hoạt động cho BCĐ Chương trình	**229**	**229**	**279**	**229**	**289**	**1.257**
- Tổ chức tập huấn cho CBCC cấp huyện	30	30	30	30	30	150
- Thông báo, hướng dẫn các doanh nghiệp đăng ký tham gia Chương trình	40	40	40	40	40	200
- Tổng hợp các doanh nghiệp đăng ký tham gia Chương trình	15	15	15	15	15	75
- Khảo sát nhu cầu hỗ trợ của DN	57,6	57,6	57,6	57,6	57,6	288
- Thu thập thông tin, số liệu, thống kê về GTSXCN, chỉ số SXCN, giá trị gia tăng trong SXCN, SP CN,...	80	80	80	80	80	400
- Họp BCĐ, TCV Chương trình (2lần/năm)	6,76	6,76	6,76	6,76	6,76	33,8
- Tổ chức sơ kết, tổng kết Chương trình	-	-	50	-	60	110
Rà soát, điều chỉnh, lựa chọn ngành nghề thu hút đầu tư trong các khu, cụm công nghiệp	SCT phối hợp Ban QL các KCN và UBND các địa phương xây dựng, trình duyệt theo kế hoạch hàng năm					
2. Nguồn sự nghiệp khoa học công nghệ tỉnh						
- Hỗ trợ nâng cao năng lực công nghệ	Sở Khoa học-Công nghệ phối hợp Sở Công Thương xây dựng, trình duyệt theo kế hoạch hàng năm					
- Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý DN						
- Hỗ trợ phát triển sản phẩm (đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế/giải pháp hữu ích).						
3. Đào tạo nghề của Sở LĐTB và XH	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp Sở Công Thương xây dựng, trình duyệt theo kế hoạch hàng năm					
4. Đào tạo hỗ trợ DNNVV theo Nghị định 56/2009/NĐ-CP (Sở KH&ĐT)	Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Công Thương xây dựng, trình duyệt theo kế hoạch hàng năm					
5. Nguồn kinh phí xúc tiến đầu tư tỉnh						
6. Nguồn Quỹ thi đua khen thưởng tỉnh	238	238	238	238	238	1.190

Ngoài ra, trong quá trình triển khai thực hiện chương trình, nếu có phát sinh nội dung công việc, kinh phí, Ban chỉ đạo Chương trình sẽ xem xét, đề xuất UBND tỉnh quyết định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình: Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình do UBND tỉnh Đồng Nai ra quyết định thành lập với 27 thành viên, gồm:

- Trưởng Ban: Đại diện lãnh đạo UBND tỉnh Đồng Nai.

- Phó Trưởng Ban Thường trực: Giám đốc Sở Công Thương Đồng Nai.

- Phó Trưởng Ban: Đại diện Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Các thành viên (24 thành viên):

+ Đại diện Tổ Chuyên viên giúp việc Ban chỉ đạo Chương trình (2 thành viên: Tổ trưởng và Tổ phó).

+ Đại diện lãnh đạo 22 Sở ngành, địa phương (mỗi đơn vị 01 thành viên), gồm: Sở Tài chính; Ban quản lý các khu công nghiệp; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Lao động-Thương binh xã hội; Sở Thông tin và Truyền thông; Cục Thống kê Đồng Nai; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Xây dựng; Sở Giao Thông Vận tải; Cục Hải quan Đồng Nai; UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

2. Thành lập Tổ Chuyên viên giúp việc Ban chỉ đạo: Ban Chỉ đạo ra quyết định thành lập Tổ Chuyên viên giúp việc Ban chỉ đạo Chương trình với 31 thành viên, gồm:

- Tổ trưởng: Phó Giám đốc Sở Công Thương.

- Tổ phó: Lãnh đạo phòng Kế hoạch Tài chính, Sở Công Thương.

- Các thành viên (29 thành viên):

+ Sở Công Thương (6 thành viên).

+ Cán bộ công chức 23 Sở ngành, địa phương (mỗi đơn vị 01 thành viên), gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Ban quản lý các khu công nghiệp; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Lao động-Thương binh xã hội; Sở Thông tin và Truyền thông; Cục Thống kê Đồng Nai; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Xây dựng; Sở Giao Thông Vận tải; Cục Hải quan Đồng Nai; Phòng Kinh tế (Kinh tế và Hạ tầng) các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

3. Phân công thực hiện

a) Sở Công Thương

- Là cơ quan thường trực của Chương trình, chủ trì xây dựng Quy định mức chi hỗ trợ cho các đơn vị, tổ chức tham gia Chương trình; xây dựng quy chế và tổ chức hoạt động của Ban Chỉ đạo, Tổ Chuyên viên giúp việc Ban chỉ đạo Chương trình; Công bố, thực hiện tuyên truyền Chương trình đến các đối tượng có liên quan.

- Chủ trì phối hợp với các Sở ngành, đơn vị có liên quan triển khai, hướng dẫn các nội dung hỗ trợ cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất theo các chính sách đã được phê duyệt, là đầu mối tiếp nhận yêu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp/cơ sở sản xuất, tổng hợp danh sách doanh nghiệp/cơ sở sản xuất đề nghị hỗ trợ, tổ chức

họp Ban chỉ đạo để thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở cho các ngành chức năng thực hiện các thủ tục hỗ trợ.

- Theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình, đề xuất giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện, tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Chương trình và hoạt động của Ban, kế hoạch triển khai Chương trình theo định kỳ 6 tháng và năm kế tiếp, báo cáo UBND tỉnh.

b) Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa chủ động xây dựng kế hoạch, nội dung, hạng mục, kinh phí thực hiện của chương trình để triển khai thực hiện hàng năm nhằm đảm bảo đúng tiến độ, nội dung và đạt mục tiêu, hiệu quả Chương trình.

- Tiếp nhận các nội dung hỗ trợ từ Thường trực Ban chỉ đạo Chương trình đối với các nội dung hỗ trợ được phân công theo nội dung Chương trình này, chịu trách nhiệm hướng dẫn các thủ tục hỗ trợ, thiết lập hồ sơ, tra cứu sơ bộ về các đối tượng sở hữu công nghiệp trước khi đăng ký bảo hộ; hướng dẫn lựa chọn các đại diện sở hữu công nghiệp có uy tín, cung cấp các tài liệu có liên quan khác,... cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tham gia Chương trình đã được UBND tỉnh phê duyệt, và giám sát tiến độ thực hiện theo từng giai đoạn.

- Tổng hợp, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ theo các nội dung hỗ trợ giai đoạn 2011 - 2015 theo chế độ tài chính quy định hiện hành của nhà nước.

- Định kỳ 6 tháng, năm, báo cáo kết quả về thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình các nội dung được Ban chỉ đạo phân công.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì triển khai thực hiện các nội dung về hoạt động xúc tiến đầu tư đối với các dự án thuộc ngành công nghiệp mũi nhọn, ngành công nghiệp ưu tiên phát triển. Phối hợp với Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các chủ đầu tư các khu, cụm công nghiệp tham mưu UBND tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch hàng năm về xúc tiến đầu tư, quảng bá hình ảnh Đồng Nai cũng như tham gia các chương trình xúc tiến đầu tư của Chính phủ và Bộ, ngành Trung ương. Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh phân bổ và đảm bảo bố trí nguồn vốn để thực hiện Chương trình.

- Tiếp nhận và triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ từ Thường trực Ban chỉ đạo Chương trình đối với nội dung đào tạo khởi sự doanh nghiệp, đào tạo nâng cao kỹ năng quản trị doanh nghiệp cho cán bộ quản lý của các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ.

- Định kỳ 6 tháng, năm, báo cáo kết quả về thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình các nội dung được Ban chỉ đạo phân công.

d) Sở Tài chính

- Chủ trì, cùng với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành liên quan xây dựng và cân đối kế hoạch nguồn kinh phí hàng năm để thực hiện các chương trình.

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn các đơn vị được hỗ trợ lập dự toán và quyết toán tài chính theo đúng quy định hiện hành.

- Định kỳ 6 tháng, năm, báo cáo kết quả về thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình các nội dung được Ban chỉ đạo phân công.

e) Sở Giao thông Vận tải

- Tập trung phát triển hệ thống giao thông vận tải tỉnh, chú trọng phát triển giao thông huyết mạch đến năm 2015 và đến năm 2020 của tỉnh, đồng thời kiến nghị thực hiện các dự án giao thông do Bộ quản lý nhằm đảm bảo phát triển hệ thống giao thông của Đồng Nai được đồng bộ, tạo điều kiện cho ngành công nghiệp phát triển theo đúng định hướng trong thời gian tới.

- Định kỳ 6 tháng, năm, báo cáo kết quả về thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình các nội dung được Ban chỉ đạo phân công.

f) Sở Thông tin và Truyền thông

- Triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020; Tăng cường giám sát chất lượng cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông và Internet. Triển khai phát triển khu công nghiệp công nghệ thông tin.

- Định kỳ 6 tháng, năm, báo cáo kết quả về thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình các nội dung được Ban chỉ đạo phân công.

g) Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, hỗ trợ lập, thẩm định phát triển các cụm công nghiệp.

- Cung cấp thông tin quy hoạch phát triển sản xuất vật liệu xây dựng cho các đơn vị, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có liên quan.

- Định kỳ 6 tháng, năm, báo cáo kết quả về thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình các nội dung được Ban chỉ đạo phân công.

h) Ban Quản lý các Khu công nghiệp

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở ngành, địa phương, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các hoạt động về xúc tiến đầu tư.

- Chịu trách nhiệm tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh các hình thức khuyến khích phát triển các khu công nghiệp chuyên ngành thuộc các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp ưu tiên phát triển.

- Có trách nhiệm ưu tiên xem xét, bố trí đủ nhu cầu về diện tích đất trong các khu công nghiệp khi có dự án sản xuất thuộc các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp ưu tiên phát triển.

- Thực hiện có hiệu quả các giải pháp thu hút các dự án đầu tư vào các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp ưu tiên phát triển.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, địa phương, đơn vị liên quan triển khai thực hiện rà soát, điều chỉnh, lựa chọn ngành nghề thu hút đầu tư trong các khu công nghiệp giai đoạn 2011-2015.

- Định kỳ 6 tháng, năm, báo cáo kết quả về thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình các nội dung được Ban chỉ đạo phân công.

i) Sở Lao động - Thương binh và xã hội

- Chủ trì phối hợp Sở, ngành liên quan thực hiện tốt giải pháp đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 2577/QĐ-UBND ngày 29/9/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 tỉnh Đồng Nai. Trong đó, ưu tiên hỗ trợ đào tạo bổ sung lao động nông thôn cho các ngành công nghiệp mũi nhọn, ngành công nghiệp ưu tiên phát triển theo Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Định kỳ 6 tháng, năm, báo cáo kết quả về thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình các nội dung được Ban chỉ đạo phân công.

j) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Hỗ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi từ Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai (theo văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương).

- Định kỳ 6 tháng, năm, báo cáo kết quả về thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình các nội dung được Ban chỉ đạo phân công.

k) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với Sở Công Thương triển khai thực hiện các nội dung có liên quan và định kỳ 6 tháng, năm, báo cáo kết quả về thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình.

l) Cục Hải quan

- Chịu trách nhiệm cung cấp cho Sở Công Thương các thông tin, số liệu về tình hình xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, để giúp Sở Công Thương triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu năng lực xuất khẩu và nhu cầu nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên phụ liệu, nhằm phục vụ việc phân tích, đánh giá, dự báo thị trường, kịp thời báo cáo UBND tỉnh để có giải pháp chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế xã hội nói chung và ngành công nghiệp nói riêng; qua đó, hỗ trợ cung cấp thông tin về tình hình xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh đến các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh, giúp doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có định hướng, kế hoạch phát triển thị trường phù hợp với tình hình thực tế.

- Định kỳ 6 tháng, năm, báo cáo kết quả về thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình các nội dung được Ban chỉ đạo phân công.

m) Cục Thống kê

Chịu trách nhiệm thu thập, thống kê và cung cấp cho Sở Công Thương các thông tin, số liệu về giá trị sản xuất công nghiệp, chỉ số sản xuất công nghiệp, giá trị gia tăng trong sản xuất công nghiệp, sản phẩm công nghiệp theo các ngành công nghiệp thuộc ngành công nghiệp mũi nhọn, ngành công nghiệp

ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh. Tham gia phối hợp với Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện chương trình.

n) UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hoà

- Chịu trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ và nội dung Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2015 đến các đối tượng Chương trình trên địa bàn. Tổng hợp danh sách, nội dung tham gia của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đăng ký tham gia Chương trình chuyển dịch cơ cấu theo định kỳ hàng năm gửi về Thường trực Ban Chỉ đạo.

- Chịu trách nhiệm đề xuất kinh phí hỗ trợ lập thiết kế quy hoạch chi tiết. Riêng đối với UBND các huyện: Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Thống Nhất, chịu trách nhiệm đề xuất cụm công nghiệp thí điểm để hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp, đề xuất kinh phí hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp (mức hỗ trợ ứng trước kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng; hỗ trợ lập thiết kế quy hoạch chi tiết; chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp), và chịu trách nhiệm trong việc thực hiện thu hồi kinh phí ứng trước trong thời gian 5 năm kể từ khi cụm công nghiệp đi vào hoạt động.

- Có trách nhiệm ưu tiên xem xét, bố trí đủ nhu cầu về diện tích đất trong các cụm công nghiệp khi có dự án sản xuất thuộc các ngành công nghiệp mũi nhọn, ngành công nghiệp ưu tiên phát triển. Rà soát, điều chỉnh ngành nghề, lựa chọn ngành nghề thu hút đầu tư trong các cụm công nghiệp giai đoạn 2011-2015.

- Phối hợp với các Sở ngành triển khai thực hiện các nội dung Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn do địa phương quản lý. Định kỳ 6 tháng, năm, báo cáo kết quả về thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình các nội dung được Ban chỉ đạo phân công.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài Chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Giao thông Vận tải, Thông tin và Truyền thông, Xây dựng, Lao động - Thương binh và xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý các khu công nghiệp, Cục Hải quan tỉnh, Cục Thống kê tỉnh, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tham gia chương trình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó chánh UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, CNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Thị Mỹ Thanh